

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Bùi Văn Tỉnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng,
tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số
37/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ
ngày 28 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-
HNGĐ ngày 12/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1996. Hộ khẩu thường trú: Ấp
Ông L, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Tạm trú: Ấp G, xã V1, huyện V, tỉnh
Long An. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Ấp Ông L, xã V,
huyện V, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N
trình bày:

Bà N và ông T biết nhau thông qua mai mối, sau đó có tìm hiểu nhau một
thời gian ngắn thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2015, đến
năm 2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V huyện V. Sau ngày

cưới, bà N sống làm dâu bên gia đình chồng và có một con chung tên Lê Chí B (nam), sinh ngày 19/3/2016. Bà N cho rằng cuộc sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu đã không có hạnh phúc do thời gian tìm hiểu không nhiều và tính cách không hợp nhau dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm nhưng vì con chung còn nhỏ nên bà N cố gắng nhẫn nhịn, tuy nhiên càng về sau thì mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng nên bà N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ khoảng tháng 9 năm 2023 và vợ chồng cũng đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T sống thiếu trách nhiệm, cờ bạc, nhiều lần gây ra nợ nần với số tiền lớn và để người thân trong gia đình chồng phải trả nợ thay. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng với ông T được nữa nên bà N gửi đơn ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của bà N

Kết quả xác minh của Tòa án:

Xác minh người thân của đương sự được cung cấp thông tin có nội dung như bà N về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung cũng như hoàn cảnh hiện tại của hai vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do ông T không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc gây ra nợ nần, sống không có trách nhiệm với gia đình, về điều kiện kinh tế và thu nhập thì bà N buôn bán quần áo ở chợ, có thu nhập ổn định để nuôi con. Về khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng thì hiện tại mỗi người sống mỗi nơi, đã sống ly thân và rất khó để hàn gắn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt nhiều lần không có lý do.

Về nội dung vụ án: Bà N và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V huyện V vào ngày 10/6/2019 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông T bà N hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà vẫn kiên quyết ly hôn, ông T không thể hiện ý kiến, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc

Về con chung: Bà N yêu cầu được nuôi con chung, ông T không thể hiện ý kiến. Con chung đang sống cùng bà N và có nguyện vọng được sống với mẹ nên để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Bà N trình bày không có nên đề nghị không xem xét.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Ô, xã V, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An nên xác định là hôn nhân hợp pháp, bà N cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà N cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T mỗi không có thời gian tìm hiểu nhiều trước khi tiến đến hôn nhân nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngay từ khi về chung sống, đến năm 2023 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và bà N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cùng con. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, sa đà vào tệ nạn cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà N khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông T vẫn không sửa đổi, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân gần một năm nên khả năng hàn gắn không còn.

[2.3] Phía bị đơn ông T đã được Tòa án gửi giấy mời nhiều lần và đã được tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án thể hiện ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N

[2.4] Kết quả xác minh của Tòa án cũng có nội dung phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[2.5] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ

chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà NguyễnThị N.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung đã trên 7 tuổi hiện sống cùng bà N. Bà N yêu cầu được nuôi con và cháu B cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Ông T không thể hiện ý kiến. Để đảm bảo môi trường sống ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho bà N chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Do bà N có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con và bà cũng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà NguyễnNgọc phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà N.

Về hôn nhân: Bà NguyễnNgọc được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao con chung Lê Chí B, sinh ngày 19/3/2016 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002500 ngày 01/3/2024 sang tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh